

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** B1.301
Môn thi: Kỹ năng nghe **Ca thi:** 9h00 **Ngày thi:** 24/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0080	Mai Thi Hong Nhung	6/25/1999			
2	TA0081	Trần Kim Xuân	8/20/1999			
3	TA0082	Nguyễn Thị Thu Trang	4/26/1998			
4	TA0083	Lê Việt Cường	6/1/1999			
5	TA0084	Trần Thinh Tuyết	11/1/1998			
6	TA0085	Nguyễn Minh Phước	2/25/1999			
7	TA0086	Lê Quý Hòa	5/18/1999			
8	TA0087	Nguyễn Thanh Phong	3/9/1999			
9	TA0088	Vũ Thị Ngân Hà	12/10/1999			
10	TA0089	Nguyễn Thị Thắm	4/1/1999			
11	TA0090	Nguyễn Thị Huệ	5/13/1999			
12	TA0091	Chu Vân Anh	6/6/1999			
13	TA0092	Nguyễn Doãn Mạnh	11/27/1999			
14	TA0093	Lý Thảo Thảo	10/10/1999			
15	TA0094	Tạ Thu Hà	9/12/1999			
16	TA0095	Trần Quỳnh Giang Giang	10/3/1999			
17	TA0096	Nguyễn Thị Thủy Dung	7/4/1999			
18	TA0097	Đỗ Tuấn Đạt	8/7/1999			
19	TA0098	Đặng Hùng Mạnh Mạnh	9/28/1999			
20	TA0099	Nguyễn Kim Trọng	12/13/1989			
21	TA0100	Vũ Đức Bình	11/26/1999			
22	TA0101	Bùi Văn Tâm	8/27/1999			
23	TA0102	Nguyễn Thị Thủy	14/10/1979			
24	TA0103	Cao Xuân Thắng	5/15/1976			
25	TA0104	Nguyễn Văn Giáp	10/12/1968			
26	TA0105	Phạm Thị Thu Hương	05/08/1982			
27	TA0106	Trần Thế Anh	28/11/1998			

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
----	-----	-----------	----------	-------	--------	---------

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)